

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 24-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 21 và 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 tại Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: thôn H, xã TN, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: khu phố A, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang K (đã chết) và bà Hoàng Thị X (đã chết); có vợ là Lê Thị Kh và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-01-2020 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 tại Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: thôn H, xã TN, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: khu phố A, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kh; có vợ là Võ Thị Huyền Tr và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-01-2020 cho đến nay, có mặt.

3. Trần Xuân S, sinh năm 1970 tại Quảng Trị; hộ khẩu thường trú: thôn X, xã N, huyện P, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (tên gọi khác: Trần Y1) (đã chết) và bà Trần Thị D2; có vợ là Trần Thị T2 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 03-02-1990 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai – KonTum bắt buộc cưỡng bức lao động 12 tháng, ngày 28-8-2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 26-12-2008 bị Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-01-2020 cho đến nay, có mặt.

4. Trần Văn T1, sinh năm 1969 tại Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3 (đã chết) và bà Trần Thị Y2 (đã chết); có vợ là Phạm Thị Q và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-01-2020 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Tổng Công ty Z; địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22-01-2020), vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Dương Thị H2, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Vũ Văn Hữu D1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Nguyễn Văn T và Trần Xuân S là bạn bè trước đây cùng làm nghề bảo vệ. Nguyễn Văn T và Trần Văn T1, Quách Văn H1 là bạn bè quen biết với nhau. Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H là cha con ruột. S là bảo vệ tại dự án của Tổng Công ty Z tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Đầu tháng 01 năm 2020, T làm lắp ráp điện trong thời gian 10 ngày tại công trình nhà xưởng BW thuộc dự án của Công ty Z, T quan sát thấy dây điện ở nhiều nơi, việc quản lý lỏng lẻo nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đã rủ S, T1, H1 và H lấy dây điện của Công ty Z để bán lấy tiền tiêu xài.

T và T1, H1, H, S đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại công trình dự án của Công ty Z cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 20-01-2020, T gọi điện thoại cho S, T1, H1 để vào công trình nhà xưởng thuộc dự án Công ty Z lấy trộm dây điện thì S, T1, H1 đồng ý. H1 điều khiển xe mô tô (không rõ đặc điểm, biển số) đến nhà T ở khu dân H thuộc khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương chờ H. T điều khiển xe mô tô biển số 36B5-701.10 đến phòng trọ chờ T1. Khi đi H chuẩn bị kiểm cắt cáp dài khoảng 60cm, cán màu xanh, bao tải và dây rút nhựa để trộm cắp tài sản. T và T1, H1, H đến công trình nhà xưởng BW của Công ty Z tại khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi vào trong công trình dự án của Công ty Z, S cảnh giới cho T, T1, H1, H cắt trộm dây điện. T đi tắt điện chiếu sáng, sau đó T, T1, H1, H đến trước kho vật tư và bắt đầu cắt trộm dây điện. T và T1, H1, H đã cắt trộm 01 cuộn dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 dài 96 mét và 01 cuộn dây cáp điện quy cách CU/PVC 150 SQMM dài 108 mét để vào trong 04 bao tải đã chuẩn bị sẵn. Sau khi lấy trộm tài sản thì T, T1, H1, H cùng đi về nhà T cùng 04 bao tải dây điện trộm được.

Lần thứ 2: Bằng thủ đoạn cách thức tương tự, khoảng 20 giờ 00 phút ngày 22-01-2020, T rủ H1, T1, H đi trộm cắp tài sản. T, T1, H1, H đi trên 02 xe mô tô đến công trình Công ty Z. Tại đây T, T1, H1, H cùng lẩn 01 cuộn dây điện còn nguyên đai, nguyên kiện, chưa sử dụng, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chiều dài 85 mét (dây điện còn đang ở trong thùng gỗ tròn) và 01 cuộn dây điện nguyên đai, nguyên kiện, chưa sử dụng, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV, chiều dài 440 mét giấu vào sau thùng container để cắt trộm. Trong lúc T, T1, H1, H lẩn cuộn dây điện thì S cảnh giới cho T, T1, H1, H. Khi T, T1, H1, H đang lẩn cuộn dây điện thứ hai đến vị trí đã giấu cuộn trước thì bị bảo vệ công ty là anh Võ Văn Hữu D phát hiện, tri hô. T, T1, H1 và H cùng bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy, H ném cái kềm cắt cáp, do hoảng sợ nên H không nhớ vị trí ném. T, T1, H1, H ra khỏi công ty và về nhà T tại Khu dân cư H, H1 bỏ về. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 23-01-2020, T và T1, H1 quay lại công trình Công ty Z để tiếp tục lấy trộm cuộn dây điện đã vận chuyển ra sát hàng rào. Khi đến công ty, T, H và T1 bị lực lượng Công an Đồn Khu Công nghiệp Bàu Bàng và bảo vệ BECAMEX phát hiện bắt giữ.

Qua điều tra xác minh, sau khi lấy trộm dây điện vào ngày 20-01-2020, T và H gọt dây điện lấy lõi đồng được 76kg, sau đó, T đi bán cho Dương Thị H2 được 7.600.000 đồng. Sau khi mua lõi đồng của T, bà H2 đã bán lại cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu hồi được, số tiền sau khi bán lõi đồng T chia cho H, T1 và S mỗi người 2.000.000 đồng, chia cho H1 1.500.000 đồng, còn lại T giữ. Toàn bộ số tiền trên các bị cáo đều tiêu xài hết.

Đối với Quách Văn H1 sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Quách Văn H1 đã bỏ trốn, hiện không biết bị can đang ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ban hành Quyết định truy nã bị can số 07 ngày 15-04-2020, Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 19-04-2020, Quyết định tạm đình chỉ

điều tra đối với bị can Quách Văn H1 số ngày 10-4-2020 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can Quách Văn H1 số 06 ngày 11-4-2020.

Đối với hành vi của bà Dương Thị H2 đã mua lỗi đồng của T, bà H2 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 cuộn dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng dài 85 mét và 01 cuộn dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV dài 440 mét; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung 3627EY163359, số máy JA36E0308615, biển số 36B5-701.10 và 01 giấy phép đăng ký xe mô tô số 228897 có tên chủ xe là Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động Redmi 8, màu đen, số IMEI: 861976041642033 kèm sim số: 0386.576.454; 01 điện thoại di động Samsung A10, màu đỏ, số IMEI: 357966100452474, kèm sim số 0354203417; 01 điện thoại di động Masstel, màu xanh, số IMEI: 352121083543205 kèm sim số 0328.704.657 theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cùng ngày 23-01-2020.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã: trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại: 85 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng và 440 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 6/1 kV chưa qua sử dụng, 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 126/KL-HĐĐG ngày 31-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 85 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 392.000 đồng/mét (thành tiền 85 mét x 392.000 đồng/mét = 33.320.000 đồng) và 440 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 10.300 đồng/mét (thành tiền 440 mét x 10.300 đồng/mét = 5.532.000 đồng), tổng cộng: 37.852.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐG ngày 15-04-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng,

Hội đồng thống nhất định giá 431.200 đồng/mét (thành tiền 96 mét x 431.200 đồng/mét = 41.395.200 đồng) và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 Kv, chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 259.600 đồng/mét (thành tiền 108 mét x 259.600 đồng/mét = 28.036.800 đồng), tổng cộng: 69.432.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 134/GĐ-PC09 ngày 10-04-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Dấu vân tay mang tên “Trần Xuân S”, sinh năm 1970, nơi ĐKTT: xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai in trên “Chỉ bản” số 014, lập ngày 26/01/2020 tại Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (ký hiệu A) so với dấu vân tay của Trần Văn S và Trần Xuân S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) là cùng một người in ra.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty Z là ông Nguyễn Hữu H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 63.120.000 đồng. Trong quá trình điều tra và truy tố, anh Nguyễn Văn T2 (là con ông Nguyễn Văn T và anh của Nguyễn Văn H) đã bồi thường số tiền 33.120.000 đồng cho bị hại Công ty Z. Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, anh H đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại Công ty Z. Bị hại Công ty Z đã nhận số tiền bồi thường là 63.120.000 đồng, không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T và H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

- Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSBB ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án: từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án: từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn T1 mức án: từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Xuân S mức án: từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung: 3627EY163359, số máy: JA36E0308615, biển số: 36B5-701.10 và giấy phép đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn H, xe mô tô này thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn H, đây là công cụ phương tiện bị cáo H dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi 8, màu đen, số IMEI: 861976041642033 kèm sim số: 0386.576.454 của bị cáo Nguyễn Văn T, đây là điện thoại Nguyễn Văn T dùng làm công cụ để liên lạc sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung A10, màu đỏ, số IMEI: 357966100452474, kèm sim số 0354203417 của bị cáo Trần Xuân S, đây là điện thoại Trần Xuân S dùng làm công cụ để liên lạc sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Masstel, màu xanh, số IMEI: 352121083543205 kèm sim số 0328.704.657 của bị cáo Trần Văn T1, đây là điện thoại di động T1 dùng liên lạc vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: bị cáo đã biết sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H nói lời sau cùng: bị cáo đã biết hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn T1 nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Xuân S nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S đã khai nhận:

Trong các ngày 20 và 22-01-2020, tại Công trình xây dựng dự án của Tổng Công ty Z thuộc khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt: 85 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, 440 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng của bị hại là Tổng Công ty Z, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 100.972.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S đồng ý với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả là các bị cáo đã chiếm đoạt của bị 85 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, 440 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 100.972.000 đồng. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử sẽ phân tích vai trò của các bị cáo để thấy được tính chất, mức độ của từng bị cáo. Bị cáo T là người rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi nên bị cáo T có vai trò là

người cầm đầu, người thực hành. Bị cáo T1, H khi được bị cáo T rủ đi trộm đã đồng ý và cùng bị cáo T lấy trộm tài sản nên các bị cáo T1, H giữ vai trò người thực hành. Bị cáo S khi được bị cáo T bàn bạc việc lấy trộm tài sản đã đồng ý mở cửa công trình, thông báo và cảnh giới cho các bị cáo khác lấy trộm tài sản nên bị cáo S giữ vai trò người giúp sức. Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T có bà nội là bà Nguyễn Thị C có công với đất nước được tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H có bà là bà Nguyễn Thị C có công với đất nước được tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Xuân S thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Văn T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T3 (là con trai của bị cáo T và là anh trai của bị cáo H) đã thỏa thuận và bồi thường thay cho các bị cáo T và H bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty Z là ông Nguyễn Hữu H1 số tiền 63.120.000 đồng. Bị hại Công ty Z đã nhận đủ số tiền bồi thường là 63.120.000 đồng, không có yêu cầu gì khác và anh Nguyễn Văn T3 không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung 3627EY163359, số máy JA36E0308615, biển số 36B5-701.10 và 01 giấy phép đăng ký xe mô tô đứng tên Nguyễn Văn H, đây là công cụ phương tiện bị cáo H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi 8, màu đen, số IMEI: 861976041642033 kèm sim số: 0386.576.454 của bị cáo Nguyễn Văn T, đây là công cụ phương tiện bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung A10, màu đỏ, số IMEI: 357966100452474, kèm sim số 0354203417 của bị cáo Trần Xuân S, đây là công cụ phương tiện bị cáo S dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động Masstel, màu xanh, số IMEI: 352121083543205 kèm sim số 0328.704.657 của bị cáo Trần Văn T1, đây là công cụ phương tiện bị cáo T1 dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng là 85 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1kV chưa qua sử dụng và 440 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 6/1 kV chưa qua sử dụng, 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là đúng quy định.

[9] Đối với các thông tin trên các danh chỉ bản và lý lịch của bị cáo Trần Xuân S, Công an huyện Bàu Bàng đã tiến hành giám định dấu vân tay trên các tài liệu mẫu là cùng một người in ra là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi của bị can Quách Văn H1, Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định truy nã, tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với Quách Văn H1 và sẽ tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn T1.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Xuân S.

Căn cứ vào Điều 106, Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-01-2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-01-2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-01-2020.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân S: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-01-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, số khung 3627EY163359, số máy JA36E0308615, biển số 36B5-701.10 và 01 giấy phép đăng ký xe mô tô số 228897 có tên chủ xe là Nguyễn Văn H;

- 01 điện thoại di động Redmi 8, màu đen, số IMEI: 861976041642033 kèm sim số: 0386.576.454; 01 điện thoại di động Samsung A10, màu đỏ, số IMEI: 357966100452474, kèm sim số 0354203417; 01 điện thoại di động Masstel, màu xanh, số IMEI: 352121083543205 kèm sim số 0328.704.657.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 19-5-2020).

4. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn T1, Trần Xuân S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng